

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-8-2018
V/v ly hôn giữa chị P và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Xuân Nhi

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P; sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ H, khu phố T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T; sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ H, khu phố T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước (xin vắng mặt),

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2018 và tại bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu T chung sống với nhau từ năm 1995, không đăng ký kết hôn theo quy định. Việc kết hôn là do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc, khoảng 03 năm nay thì phát sinh

mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc thường xuyên cãi vã nhau. Nay chị thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 16/7/1995, Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 16/7/1997 và Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh ngày 12/7/1999. Các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị P không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2018, bị đơn Nguyễn Hữu T trình bày:

Anh và chị P chung sống không đăng ký kết hôn từ năm 1995. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau do tính tình không hợp. Nay chị P yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 16/7/1995, Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 16/7/1997 và Nguyễn Thị Ngọc T3, sinh ngày 12/7/1999. Các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Nguyễn Thị P và bị đơn Nguyễn Hữu T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh T là đúng quy định.

Bị đơn Nguyễn Hữu T hiện đang cư trú tại tổ H, khu phố T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị P và anh T chung sống từ năm 1995, có con chung. Nay chị P yêu cầu xin ly hôn với anh T, không yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung. Xét yêu cầu khởi kiện thì đây là vụ án hôn

nhân và gia đình, có quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P, anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ 1995 nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mặc dù cả hai có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Điều này được các bên thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý, vì vậy việc sống chung giữa anh chị không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ và chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù chị P yêu cầu xin ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn nhưng không được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn mà xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 02 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình là đúng quy định.

[3] Về con chung: Chị P, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Khoản 02 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000394 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Chị P đã nộp đủ án phí.

- Chị P, anh T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Đồng Xoài;
- CCTHADS thị xã Đồng Xoài;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Hương Giang